

TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CÁC LOÀI BÒ SÁT TẠI HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Trương Bá Phong, Nguyễn Phương Đại Nguyên
Trường Đại học Tây Nguyên

Những năm gần đây tình hình buôn bán, khai thác động vật hoang dã ở Việt Nam đang ngày một gia tăng, chỉ trong một thời gian ngắn danh sách các loài động vật hoang dã sắp bị tuyệt chủng của Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Theo Sách Đỏ Việt Nam năm 2007, tại Việt Nam có 418 loài động vật đang bị đe dọa ngoài thiên nhiên, tăng 167 loài so với năm 1992. Trong đó có 116 loài động vật coi là rất nguy cấp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2006; Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007).

Việc buôn bán, khai thác động vật hoang dã ở Đắk Nông, đặc biệt là trên địa bàn huyện Đắk Mil - một huyện có đường biên giới tiếp giáp với Campuchia diễn ra khá rầm rộ và phức tạp. Đặc biệt là các loài bò sát như: Rồng đất, Ba ba, Rắn ráo thường, Rắn hổ mang, Rắn hổ chúa, Trăn, ... thường bị săn bắt và bán tại các chợ, nhà hàng, thương lái với nhiều mục đích khác nhau. Cho đến nay, chỉ có một vài công trình nghiên cứu về bò sát tại tỉnh Đắk Nông, trong đó nổi bật có công trình của Ngô Đắc Chứng và Trần Hậu Khanh (2008) về thành phần loài lưỡng cư và bò sát phía Tây tỉnh Đắk Nông; Công trình nghiên cứu của Trương Thị Vinh Hương và Lê Nguyên Ngật (2009) về kết quả bước đầu khảo sát lưỡng cư bò sát ở huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nói chung, các nghiên cứu về bò sát tại tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Đắk Mil nói riêng mới chỉ dừng lại ở việc điều tra thành phần loài và đặc điểm phân bố của các loài bò sát mà chưa đánh giá được việc khai thác và sử dụng các loài này trên địa bàn huyện Đắk Mil. Do đó, kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp những dẫn liệu bước đầu về thành phần loài, mức độ quý hiếm của các loài bò sát đang được khai thác và sử dụng tại huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm

Chúng tôi đã tiến hành 7 đợt khảo sát với 63 điểm điều tra tại 5 xã và thị trấn là xã Đắk Sắk (27 điểm), Đức Minh (7 điểm), Thuận An (8 điểm), Đức Mạnh (8 điểm) và thị trấn Đắk Mil (13 điểm). Trong thời gian thực hiện từ đầu tháng 10/2015 đến tháng 04/2016, chúng tôi đã ghi nhận và phân loại được 228 mẫu bò sát tại huyện Đắk Mil.

2. Phương pháp

Số liệu liên quan đến tình hình khai thác và sử dụng các loài bò sát được thu thập thông qua phiếu điều tra người dân địa phương. Các mẫu vật được định loại bằng các tài liệu tra cứu nhanh thông qua hình ảnh và mô tả của Nguyen et al. (2009), Hendrie et al. (2011), Hoàng Xuân Quang và cs. (2012).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Thành phần loài bò sát bị khai thác và sử dụng tại huyện Đắk Mil

Qua điều tra 63 điểm trên địa bàn huyện Đắk Mil (xã Đắk Sắk - 27 điểm, Đức Minh - 7 điểm, Thuận An - 8 điểm, Đức Mạnh - 8 điểm, thị trấn Đắk Mil - 13 điểm), bước đầu thu thập được 22 loài thuộc 2 bộ, 11 họ của lớp Bò sát đang bị khai thác và sử dụng với nhiều hình thức. Trong đó có 17 loài thuộc Bộ Có vảy (Squamata) (chiếm 77,27% trong tổng số loài), 5 loài thuộc Bộ Rùa (Testudinata) (chiếm 22,73% trong tổng số loài (bảng 1).

Danh lục các loài bò sát bị khai thác và sử dụng trên tại huyện Đắk Mil

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn			
			SDVN 2007	IUCN 2017	NB32 2006	CITES 2017
	I. Bộ Có vảy	Squamata				
	1. Họ Rắn nước	Colubridae				
1	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	EN		IIB	
2	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)	EN		IIB	II
3	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	VU			
4	Rắn nước chính thức	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell, 1860)				
5	Rắn hoa cò cò đỏ	<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel, 1837)				
6	Rắn bông súng	<i>Enhydryis enhydryis</i> (Schneider, 1799)				
	2. Họ Rắn hổ	Elapidae				
7	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	E		IIB	
8	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)			IIB	
9	Rắn hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	CR	VU	IB	II
10	Rắn hổ mang đất	<i>Naja kaouthia</i> (Lesson, 1831)				
	3. Họ Rắn mông	Xenopeltidae				
11	Rắn mông	<i>Xenopeltis unicolor</i> (Reinwardt, 1827)				
	4. Họ Trăn	Boidae				
12	Trăn đất	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	CR	VU	IIB	II
	5. Họ Tắc kè	Gekkonidae				
13	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	VU			
	6. Họ Nhông	Agamidae				
14	Rồng đất	<i>Physingathus cocincinus</i> (Cuvier, 1829)	VU			
15	Nhông bạch	<i>Calotes bachae</i> Hartmann, Geissler, Poyarkov, Ihlow, Galoyan, Rödder & Böhme, 2013				
	7. Họ Kỳ đà	Varanidae				
16	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus</i> (Gray, 1831)	EN		IIB	I
	8. Họ thằn lằn bóng	Scincidae				
17	Thằn lằn bóng hoa	<i>Eutropis multifasciatus</i> (Kuhl, 1820)				
	II. Bộ Rùa	Testudines				
	9. Họ Rùa đầm	Emydiae				
18	Rùa đất Pulkin	<i>Cyclemys pulchristriata</i> Fritz, Gaulke & Lehr, 1997		VU		II

19	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i> (Gray, 1862)		EN		II
20	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i> (Daudin, 1802)	VU	VU		II
	10. Họ Rùa cạn	Testudinidae				
21	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongate</i> (Blyth, 1853)	EN	EN	IIB	II
	11. Họ Ba ba	Trionychidae				
22	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann, 1835)		VU		

Ghi chú: SDVN = Sách Đỏ Việt Nam (2007): CR = Rất nguy cấp; EN = Nguy cấp; VU = Sẽ nguy cấp; IUCN = Danh lục Đỏ IUCN (2017): EN = Nguy cấp; VU = Sẽ nguy cấp; NĐ32: Nghị định 32/2006/NĐ-CP: IB = Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIB = Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; CITES = Công ước CITES (2017): I, II = Phụ lục I và II.

Về đa dạng loài: Họ Rắn nước (Colubridae) chiếm nhiều nhất với 6 loài (chiếm 27,27% trong tổng số loài), đây là họ có nhiều loài phổ biến và có giá trị về nhiều mặt, trong đó chủ yếu là rắn Ráo thường (*Ptyas korros*), rắn Ráo trâu (*Ptyas mucosus*) bị khai thác nhiều nhất. Họ Rắn hổ (Elapidae) có 4 loài (chiếm 18,18% trong tổng số loài), bị khai thác nhiều nhất trong họ Rắn hổ là rắn Cạp nong (*Bungarus fasciatus*). Họ Rùa đầm (Emydiae) có 3 loài (chiếm 13,64% tổng số loài). Họ Nhông (Agamidae) có 2 loài (9,09% tổng số loài). Các họ còn lại mỗi họ chỉ có 1 loài.

Trong 22 loài bị khai thác và sử dụng tại huyện Đắk Mil trong bảng 1 có 15 loài cần được bảo tồn (chiếm 68,18% tổng số loài). Trong đó có 11 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) cụ thể có 2 loài ở mức xếp hạng Rất nguy cấp (CR), 5 loài Nguy cấp (EN) và 4 loài sắp Nguy cấp (VU). Theo Danh lục Đỏ IUCN (2017): có 2 loài Nguy cấp (EN), 5 loài Sắp nguy cấp (VU). Theo Nghị Định 32/2006/NĐ - CP có 8 loài nằm trong nhóm IIB (hạn chế khai thác và sử dụng), 1 loài nằm trong nhóm IB (nghiêm cấm khai thác và sử dụng). Trong công ước CITES (2017) có 8 loài. Điều này cho thấy việc khai thác và sử dụng các loài bò sát tại huyện Đắk Mil đang diễn ra phức tạp, chưa được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định.

2. Mục đích sử dụng của các loài bò sát bị khai thác tại huyện Đắk Mil

Qua 7 đợt điều tra trên địa bàn 5 xã và thị trấn thuộc huyện Đắk Mil, với 228 mẫu được ghi nhận và phân loại (bảng 2). Sử dụng làm thực phẩm có ở 32 điểm với 16/22 loài (chiếm 50,8% trong tổng số điểm điều tra và 72,72% trong tổng số loài), sử dụng để ngâm rượu và dược phẩm có ở 29 điểm với 10 loài (chiếm 46% trong tổng số điểm điều tra và 45,45% trong tổng số loài). Bị buôn bán có ở 8 điểm với 7 loài (chiếm 12,7% tổng số điểm điều tra và 31,82% trong tổng số loài). Sử dụng để làm cảnh có ở 9 điểm với 6 loài (chiếm 14,29% trong tổng số điểm điều tra và 27,27% số loài được điều tra) (Bảng 2)

Bảng 2

Mục đích sử dụng các loài bò sát trên địa bàn huyện Đắk Mil

Số TT	Tên loài		TP (32/63)	BB (8/63)	NR (29/63)	LC (9/63)
	Tên Việt Nam	Tên khoa học				
1	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	4* (12)	1(2)	-	-
2	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	4(4)	-	5(5)	-
3	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i>	4(5)	-	1(1)	-
4	Rắn nước chính thức	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i>	2(7)	1(3)	-	-

5	Rắn hoa cỏ nhỏ	<i>Rhabdophis subminiatus</i>	1(1)	-	-	-
6	Rắn bông súng	<i>Enhydris enhydris</i>	3(20)	2(3)	-	-
7	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	1(1)	-	3(12)	-
8	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i>	1(1)	-	2(2)	-
9	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	2(2)	-	3(6)	-
10	Rắn hổ mang nam	<i>Naja kaouthia</i>	-	-	3(4)	-
11	Rắn mông	<i>Xenopeltis unicolor</i>	-	-	4(10)	-
12	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	1(1)	1(3)	1(1)	2(2)
13	Tắc kè	<i>Gekko gekko</i>	-	-	5(42)	-
14	Rồng đất	<i>Physingathus cocincinus</i>	1(10)	1(20)	-	-
15	Nhông bạch	<i>Calotes bachae</i>	2(15)	-	-	-
16	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus</i>	1(1)	-	1(1)	1(1)
17	Thằn lằn bóng hoa	<i>Eutropis multifasciatus</i>	2(18)	1(17)	-	-
18	Rùa đất pul-kin	<i>Cyclemys pulchristriata</i>	1(1)	-	-	1(1)
19	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>	-	-	-	2(2)
20	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	-	-	-	1(1)
21	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	-	-	-	2(2)
22	Ba ba tron	<i>Pelodiscus sinensis</i>	2(4)	1(4)	-	-
Tổng số loài bị sử dụng			16	7	10	6

Ghi chú: TP - Thực phẩm; BB - Buôn bán; NR - Ngâm rượu; LC - Làm cảnh; (*): Số điểm điều tra; (12): số cá thể (mẫu) bắt gặp khi điều tra.

III. KẾT LUẬN

Điều tra 63 điểm trên địa bàn huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông có 22 loài bò sát thuộc 2 bộ, 11 họ được khai thác, sử dụng. Trong đó có 15 loài (chiếm 68,18% tổng số loài điều tra) quý hiếm nằm trong Sách Đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ IUCN, trong Nghị Định 32/2006 /NĐ – CP và công ước CITES.

Các loài bò sát được sử dụng chủ yếu làm thực phẩm, ngâm rượu hoặc làm thuốc. Thành phần loài theo các mục đích sử dụng trên bao gồm: sử dụng làm thực phẩm 16 loài (72,72%) (trong 32 điểm điều tra), được buôn bán 7 loài (31,82%) (trong 8 điểm điều tra), sử dụng để ngâm rượu và làm thuốc 10 loài (45,45%) (trong 29 điểm điều tra), sử dụng làm cảnh 6 loài (27,27%) (trong 9 điểm điều tra).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, 2006. Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của công ước CITES. Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN, Hà Nội.
2. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, Phần I: Động vật, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. **Ngô Đắc Chứng, Trần Hậu Khanh**, 2008. Thành phần loài lưỡng cư và bò sát phía Tây tỉnh Đăk Nông, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, 49: 19-26.
4. **Checklist of Cites Species 2017** (<http://checklist.cites.org/#/en>).
5. **Hendrie D. B., Bùi Đăng Phong, McCormack T., Hoàng Văn Hà, Van Dijk P. P.**, 2011. Sách hướng dẫn thi hành luật về định dạng các loài rùa nước ngọt Việt Nam, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội.

6. **Trương Thị Vinh Hương, Lê Nguyên Ngật**, 2009. Kết quả bước đầu khảo sát LCBS ở huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Báo cáo Khoa học Hội thảo quốc gia về LCBS ở VN, Nxb. Đại học Huế, 64-71.
7. **IUCN**, 2017. The IUCN Red List of Threatened Species TM. www.redlist.org, downloaded on 19 May, 2017.
8. **Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo, Ngô Đắc Chúng**, 2012. Éch nhái, bò sát ở Vườn Quốc gia Bạch Mã, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
9. **Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Trung**, 2009. Herpetofauna of Vietnam, Edition Chimaira, Frankfurt am Main.

EXPLOITATION AND USE OF REPTILES IN DAK MIL DISTRICT, DAK NONG PROVINCE

Truong Ba Phong, Nguyen Phuong Dai Nguyen

SUMMARY

Results of our investigations at 63 sites in Dak Mil district, Dak Nong province showed that 22 species of reptiles belong to 11 families, 2 orders were used for different purposes. Reptiles were used for food at 32 sites (16 species), for trading at 8 sites (7 species), for medicinal animal alcohol at 29 sites (10 species) and for pets at 9 sites (6 species). Among recorded species from Dak Mil district, 15 species (accounting for 68,18% of the total species number) were listed in the Vietnam Red Data Book (2007), IUCN Red List (2017), and CITES appendices (2017).